

TRƯỜNG THPT THÁI PHIÊN

TỔ: LỊCH SỬ - KINH TẾ PHÁP LUẬT

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 NĂM HỌC 2023 -2024

MÔN: LỊCH SỬ 10

CHỦ ĐỀ 1. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC

BÀI 1. HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC CON NGƯỜI NHẬN THỨC

1. Lịch sử là gì ?

- **Lịch sử**: là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ, hoặc tác phẩm ghi chép về quá khứ, là một khoa học nghiên cứu về quá khứ của con người.

- Hiện thực lịch sử

+ Là toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại 1 cách khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người (người nhận thức)

+ Hiện thực lịch sử có trước

+ Hiện thực lịch sử là duy nhất và không thể thay đổi được

+ Hiện thực lịch sử luôn khách quan

- Nhận thức lịch sử

+ Là toàn bộ những tri thức, hiểu biết, những ý niệm và hình dung của con người về quá khứ (nhận thức về sự việc đã xảy ra).

+ Nhận thức lịch sử có sau

+ Nhận thức lịch sử rất đa dạng và có thể thay đổi theo thời gian

+ Nhận thức lịch sử vừa khách quan, vừa chủ quan

2. Sử học là gì?

Sử học là: Khoa học nghiên cứu về lịch sử (nghiên cứu về quá khứ của con người, nghiên cứu về các sự kiện, hiện tượng đã diễn ra trong xã hội loài người và phát hiện ra quy luật phát sinh, phát triển của nó).

Ví dụ: Lịch sử của dân tộc Việt Nam bắt đầu từ thời Hùng Vương đến thời chống Mĩ cứu nước, Lịch sử Ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12, Lịch sử ngày 19/8/1945, 10/10/1954, 7/5/1954

Đối tượng	Đa dạng, phong phú, toàn diện: gồm toàn bộ những hoạt động của con người trong quá khứ, trên mọi lĩnh vực: như chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quân sự, ngoại giao... VD: - Nghiên cứu nghề làm gạch đá ong - Nghiên cứu về quá trình hình thành khối cộng đồng người Việt ở Đà Lạt (1893 – 1945). - Nghiên cứu về thực trạng và những sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng tại di tích đền thờ vua Đinh ở làng Quan Thành (Triệu Sơn – Thanh Hóa).
Chức năng	- <i>Khôi phục hiện thực lịch sử</i> chính xác, khách quan (Chức năng khoa học) - <i>Phục vụ cuộc sống của con người</i> hiện tại thông qua những bài học kinh nghiệm được đúc kết từ quá khứ (Chức năng xã hội) nhằm giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức.

Nhiệm vụ (chức năng và nhiệm vụ có mối quan hệ gắn bó, mật thiết với nhau)	- <i>Nhận thức</i>: Cung cấp những tri thức khoa học về lịch sử (những tri thức đã được khoa học lịch sử thừa nhận, giúp con người hiểu đúng về quá khứ) - <i>Giáo dục</i>, nêu gương (Góp phần truyền bá những giá trị và truyền thống tốt đẹp tiến bộ và nhân văn trong lịch sử cho thế hệ sau) VD: cung cấp tri thức về đại thắng mùa xuân năm 1975, cho ta biết đây là một sự kiện quan trọng có tầm quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc, làm nức lòng bạn bè và nhân dân tiến bộ khắp TG. - <i>Dự báo</i>: Thông qua việc tổng kết thực tiễn rút ra bài học kinh nghiệm...góp phần dự báo về tương lai của đất nước, nhân loại. + Chức năng và nhiệm vụ của Sử học vô cùng lớn trong việc ghi chép lại lịch sử của một quốc gia, một dân tộc. + Ghi chép lại những gì đã xảy ra trong quá khứ, làm bài học răn đe cho hậu thế chính là nhiệm vụ của Sử học.
---	---

LUYỆN TẬP

Câu 1. Hiện thực lịch sử là gì?

A. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ.

B. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ của loài người.

C. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ mà con người nhận thức được.

D. Là khoa học tìm hiểu về quá khứ.

Câu 2. Nhận thức lịch sử là gì?

A. Là những mô tả của con người về quá khứ đã qua.

B. Là những công trình nghiên cứu lịch sử.

C. Là những hiểu biết của con người về quá khứ, được tái hiện hoặc trình bày theo những cách khác nhau.

D. Là những lễ hội lịch sử văn hóa được phục dựng.

Câu 3. Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu lịch sử?

A. Tiến bộ.

B. Vì người lao động.

C. Trung thực.

D. Khách quan.

Câu 4. Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng đối tượng nghiên cứu của Sử học?

A. Quá khứ của toàn thể nhân loại.

B. Quá khứ của một quốc gia hoặc khu vực trên thế giới.

C. Quá khứ của một cá nhân hoặc một nhóm, một cộng đồng người.

D. Những hiện tượng tự nhiên xảy ra trong quá khứ.

Câu 5. So với hiện thức lịch sử, nhận thức lịch sử có đặc điểm gì?

A. Nhận thức lịch sử luôn phản ánh đúng hiện thực lịch sử.

B. Nhận thức lịch sử không thể tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử.

C. Nhận thức lịch sử thường lạc hậu hơn hiện thực lịch sử.

D. Nhận thức lịch sử độc lập, khách quan với hiện thực lịch sử.

Câu 6. Truyền thuyết Thánh Gióng thuộc loại tư liệu nào?

A. Tư liệu truyền miệng.

B. Tư liệu gốc.

C. Tư liệu hiện vật.

D. Tư liệu chữ viết.

Câu 7. Những tấm bia ghi tên nhưng người đỗ tiến sĩ thời xưa ở văn miếu thuộc loại tư liệu nào?

A. Tư liệu hiện vật.

B. Tư liệu chữ viết.

C. Tư liệu truyền miệng.

D. Tư liệu gốc.

Câu 8. Những bản ghi; sách được in, khắc bằng chữ viết; vở chép tay,... từ quá khứ được lưu lại đến ngày nay là loại tư liệu nào?

A. Tư liệu hiện vật.

B. Tư liệu truyền miệng.

C. Nông nghiệp.

D. Tư liệu gốc.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây là tư liệu hiện vật?

A. Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Văn bia tiến sĩ.

C. Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh.

D. Trống đồng Đông Sơn.

Câu 10. Thông qua hình 1.9. Bức điện mật của Đại tướng Võ Nguyên Giáp..., hãy phân biệt hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức. Qua đó rút ra nhiệm vụ của lịch sử

BÀI 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

1. Sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời

- Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng. Những kiến thức lịch sử học được ở nhà trường chỉ là một phần nhỏ.

☐ Muốn hiểu đầy đủ và đúng đắn cần có một quá trình lâu dài.

- Tri thức về lịch sử phát triển và biến đổi không ngừng, gắn liền với sự xuất hiện của các nguồn sử liệu, quan điểm, nhận thức, lĩnh vực nghiên cứu mới.

☐ Nhận thức về sự kiện, hiện tượng lịch sử của con người ngày hôm nay sẽ thay đổi cho tương lai.

- Giúp mỗi người mở rộng và cập nhật vốn kiến thức, tạo ra những cơ hội mới trong nghề nghiệp,...

2. Kết nối lịch sử với cuộc sống, cuộc sống với lịch sử

- Sử dụng tri thức lịch sử, thông qua tri thức lịch sử giúp con người giải thích, hiểu rõ hơn những vấn đề thời sự trong nước và quốc tế, những vấn đề thực tiễn cuộc sống hiện nay.

3. Thu thập, xử lý thông tin và sử liệu để làm giàu tri thức lịch sử

- Bước 1: Lập thư mục và danh mục các nguồn sử liệu cần thu thập, để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu tìm hiểu lịch sử.

- Bước 2: Sưu tầm, đọc và ghi chép thông tin sử liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Bước 3: Chọn lọc, phân loại sử liệu để thuận lợi cho việc xác minh và đánh giá.

- Bước 4: Xác minh, đánh giá về nguồn gốc sử liệu, thời điểm ra đời, nội dung sử liệu phản ánh.

LUYỆN TẬP

Câu 1. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng vai trò của tri thức lịch sử?

A. Cung cấp những tri thức về sự phát triển của thế giới sinh vật.

B. Cung cấp những thông tin về quá khứ để hiểu về cội nguồn gia đình, thân tộc, quốc gia, nhân loại.

C. Góp phần lưu truyền, tạo nên yếu tố cốt lõi của ý thức dân tộc và bản sắc văn hoá dân tộc.

D. Hiểu về quá khứ để lí giải những vấn đề xảy ra trong hiện tại và dự đoán tương lai.

Câu 2. Điểm chung trong nội dung phản ánh của hai đoạn trích dẫn sau là gì?

“Sử để ghi việc, mà việc hay hoặc dở đều dùng làm gương răn cho đời sau” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, Đại Việt sử kí toàn thư, Tập1, Sđ d, tr. 101)

“Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” (Hồ Chí Minh, Lịch sử nước ta, 1942)

A. Sử được dùng làm gương răn dạy cho đời sau.

B. Người Việt Nam cần hiểu biết lịch sử Việt Nam.

C. Vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với cuộc sống.

D. Người Việt Nam cần biết tường tận gốc tích của mình.

Câu 3. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng lí do cần phải học tập lịch sử suốt đời?

A. Lịch sử là môn khó học cần phải học tập suốt đời để hiểu lịch sử.

B. Tri thức kinh nghiệm của quá khứ rất cần thiết cho cuộc sống hiện tại và tương lai.

C. Nhiều sự kiện, quá trình lịch sử vẫn chứa đựng những điều bí ẩn cần tiếp tục khám phá tìm tòi.

D. Học tập khám phá lịch sử giúp đưa lại những cơ hội nghề nghiệp thú vị.

Câu 4. Hình thức học tập nào dưới đây **không** phù hợp với môn lịch sử?

A. Học trên lớp.

B. Xem phim tài liệu lịch sử.

C. Tham quan, điền dã.

D. Học trong phòng thí nghiệm.

CHỦ ĐỀ 2. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

BÀI 3. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

1 Tìm hiểu về Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên

Nội dung	Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, DSTN
<i>Mối quan hệ</i>	- Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên là một bộ phận của lịch sử, được lưu giữ trong hiện tại. Sử học và di sản văn hóa, di sản thiên nhiên có mối quan hệ gắn bó, mật thiết. - <i>Thứ nhất:</i> Các loại hình di sản văn hóa đều đóng vai trò là nguồn sử liệu quan trọng đặc biệt đối với nghiên cứu lịch sử. - <i>Thứ hai:</i> Sử học nghiên cứu về lịch sử hình thành phát triển di sản văn hóa, di sản thiên nhiên, xác định vị trí, vai trò và ý nghĩa của di sản đối với cộng đồng. - <i>Thứ ba:</i> Sử học cung cấp những thông tin có giá trị và tin cậy liên quan đến di sản văn hóa di sản thiên nhiên làm cơ sở cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản. - <i>Thứ tư:</i> Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa di sản thiên nhiên có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc duy trì ký ức và bản sắc cộng đồng.
<i>Lấy ví dụ phân tích</i>	Ví dụ: Mối quan hệ giữa sử học và công tác bảo tồn khu di tích Cố đô Hoa Lư.

	- Khu di tích Cố đô Hoa Lư là nguồn sử liệu vô cùng quan trọng cho ta biết về đời sống sinh hoạt, kiến trúc, vị thế chính trị, v.v.. dưới thời Đinh, Tiền Lê. Đồng thời công tác bảo tồn, gìn giữ di tích giúp cho các nhà Sử học có một nguồn tài liệu vô dùng quý giá để nghiên cứu. - Thông qua Sử học, ta có thể biết về thời gian xây dựng, tồn tại, tu sửa, vị trí của khu Cố đô Hoa Lư xưa. Đồng thời đánh giá chính xác về giá trị của Cố đô Hoa Lư để bảo tồn, phát triển tốt nhất.
--	--

1. Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch

- Các di tích lịch sử - văn hóa là tài nguyên du lịch có sức hấp dẫn to lớn, là động lực thu hút ngày càng nhiều du khách trong nước và quốc tế.
- Du lịch khai thác các di sản văn hóa, lịch sử, giúp con người hưởng thụ giá trị của di sản thiên nhiên và di sản văn hóa.

2. Vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá

- Du lịch chính là nguồn động lực thúc đẩy sự tăng cường bảo tồn và phát huy những giá trị di tích lịch sử-văn hóa của địa phương, dân tộc.
- Du lịch văn hóa phát triển vừa tạo ra việc làm, thu nhập cho người lao động, vừa tạo nguồn lực kinh tế để bảo tồn và phát huy giá trị các di sản.

LUYỆN TẬP

Câu 1. Sử học có mối quan hệ như thế nào với di sản văn hóa?

- A. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản. B. Bảo tồn và khôi phục các di sản.
- C. Bảo vệ và lưu giữ các di sản. D. Bảo vệ, khôi phục các di sản.

Câu 2. Di tích Chùa Thiên Mụ là di sản văn hóa nào dưới đây?

- A. Di sản văn hóa phi vật thể. B. Di sản thiên nhiên.
- C. Di sản văn hóa vật thể. D. Di sản ẩm thực.

Câu 3. Hát Xoan là di sản văn hóa nào dưới đây?

- A. Di sản văn hóa vật thể. B. Di sản thiên nhiên.
C. Di sản văn hóa phi vật thể. D. Di sản ẩm thực.

Câu 4. Trong bảo tồn và phát huy giá trị của di sản, yêu cầu quan trọng nhất đặt ra là gì?

- A. Đáp ứng yêu cầu quảng bá hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam.
B. Phải đảm bảo giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học vì sự phát triển bền vững.
 C. Phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội.
 D. Phải đảm bảo giá trị thẩm mỹ của di sản.

Câu 5: Kể tên các di sản văn hóa ở Việt Nam được UNESCO công nhận.

CHỦ ĐỀ 3. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ

CỔ ĐẠI - TRUNG ĐẠI

BÀI 4: KHÁI NIỆM VĂN MINH.

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

1. Khái niệm văn minh

- **Văn minh** là sự tiến bộ về vật chất-tinh thần của xã hội loài người, là trạng thái phát triển cao của văn hoá, khi xã hội loài người vượt qua trình độ của thời kỳ dã man

- **Văn hoá** là tổng thể những giá trị vật chất- tinh thần mà con người sáng tạo nên. Văn hoá tạo ra đặc tính, bản sắc của một xã hội hoặc nhóm người trong xã hội.

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ- trung đại

a. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại.

- Chữ viết:

+ Sáng tạo ra chữ viết cổ nhất trên thế giới (chữ tượng hình) từ khoảng hơn 3000 năm TCN.

+ Nhờ có chữ viết, người Ai Cập đã ghi chép lại nhiều tư liệu quý giá thuộc về lĩnh vực: Lịch sử, Văn học, Thiên văn học, Toán học...

- Khoa học, kĩ thuật:

+ Toán học: Sáng tạo ra số thập phân, phép tính cộng trừ, biết tính diện tích tam giác, phép đếm đến 10, tính được số Pi (1) bằng 3,16,...

+ Thiên văn học: người Ai Cập biết làm lịch dựa trên chu kì vận động của Mặt Trời đầu tiên trên thế giới

+ Y học: có hiểu biết tương đối chính xác về cơ quan trong cơ thể con người.

- Kiến trúc và điêu khắc:

+ Cung điện, đền thờ và kim tự tháp là các loại hình kiến trúc tiêu biểu nhất của Ai Cập cổ đại.

+ Nhiều tác phẩm điêu khắc nổi tiếng, ví dụ như: tượng nhân sư; tượng bán thân Nữ hoàng Nê-phéc-ti...

* **Ý nghĩa:** Những thành tựu văn minh Ai Cập cổ đại đã góp phần vào sự phát triển rực rỡ của nền văn minh này, đồng thời đặt nền móng cho sự phát triển trên nhiều lĩnh vực của văn minh nhân loại.

b. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ- trung đại

- **Tư tưởng, tôn giáo:** Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo lớn, như: Hin-đu giáo và Phật giáo.

- Chữ viết:

+ Sáng tạo ra chữ viết từ rất sớm (chữ Kha-rốt-thi và Bra-mi) sau đó cải biên thành chữ San-xcrit (tiếng Phạn)

+ Chữ viết của Ấn Độ được truyền bá sang Đông Nam Á và được cải biến thành chữ viết của một số quốc gia trong khu vực này.

- Văn học:

+ Tác phẩm tiêu biểu: kinh Vê-đa, sử thi Ma-ha-ba-ra-ta và Ra-ma-y-a-na, vở kịch Sơ-kun-tơ-la (của Ka-li-đa-sa)

+ Văn học Ấn Độ chứa đựng những giá trị nghệ thuật và nhân văn sâu sắc, trở thành nguồn cảm hứng, đề tài sáng tác của nhiều ngành nghệ thuật khác, không chỉ ở Ấn Độ mà cả nhiều quốc gia khác, nhất là khu vực Đông Nam Á.

- Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc: chịu ảnh hưởng của tôn giáo

+ Kiến trúc Phật giáo: cột đá, chùa, và tháp Phật giáo, tiêu biểu: Chùa hang A-gian-ta;

+ Kiến trúc Hin-đu giáo, Hồi giáo: đền thờ, lăng mộ Hin-đu giáo, các thánh đường cung điện Hồi giáo, tiêu biểu Lăng Ta-giơ-ma-han..

□ Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của Ấn Độ đã có những ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia Đông Nam Á.

- Khoa học – kĩ thuật:

+ Toán học: sử dụng hệ số đếm thập phân, tính được diện tích các hình phẳng và thể tích các hình khối, tính được số pi chính xác tới 7 chữ số thập phân, phát minh ra bàn tính,..

+ Thiên văn học: ghi chép về nhật thực, nguyệt thực và nhiều hiện tượng thiên văn khác; làm ra lịch để phục vụ đời sống và sản xuất.

+ Y - Dược học, họ đã chẩn đoán, lí giải và chữa trị các loại bệnh bằng nhiều phương pháp như: dùng thuốc, châm cứu, giải phẫu,..

+ Sử học: đa dạng về hình thức, thể loại, nội dung với một số tác phẩm nổi tiếng như: Xuân Thu, Sử kí của Tư Mã Thiên.

+ Kĩ thuật: có bốn phát minh lớn, gồm: kĩ thuật làm giấy, kĩ thuật in, thuốc súng và la bàn.

*** Ý nghĩa:**

- Đây là những sản phẩm trí tuệ sự lao động sáng tạo, đóng góp trực tiếp của cư dân Trung Hoa cổ đại đối với sự phát triển của nhiều lĩnh vực trong nền văn minh thế giới.

- Ảnh hưởng mạnh mẽ đến các quốc gia lân cận như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam.

LUYỆN TẬP

Câu 1. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng nội hàm của khái niệm văn minh?

A. Là tổng thể những giá trị vật chất, tinh thần của xã hội, hay của một nhóm người.

B. Là trạng thái phát triển cao của văn hoá.

C. Bắt đầu khi xã hội loài người xuất hiện nhà nước.

D. Khi con người đạt những tiến bộ về tổ chức xã hội, luân lí, kĩ thuật, chữ viết...

Câu 2. Những nền văn minh đầu tiên trên thế giới hình thành ở đâu?

A. Trung Quốc.

B. Ấn Độ.

C. Tây Á và Đông Bắc châu Phi.

D. Hy Lạp, La Mã.

Câu 3. Trong các nền văn minh cổ đại ở phương Đông, các nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ có điểm gì khác so với văn minh Ai Cập?

A. Chịu ảnh hưởng của nền văn minh A – rập trong một thời gian dài.

B. Tiếp tục phát triển sang thời trung đại.

C. Đạt nhiều thành tựu rực rỡ trên các lĩnh vực.

D. Hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn.

Câu 4. Ý nào dưới đây **không** đúng về vai trò của sông Nin đối với Ai Cập cổ đại?

A. Tạo ra “Vùng đất đen” phì nhiêu, màu mỡ.

B. Cung cấp nước tưới cho cây trồng và nguồn nước cho sinh hoạt.

C. Quy tụ hai bên bờ nhiều thành phố và làng mạc.

D. Tạo thuận lợi cho việc xây dựng nhiều bến cảng lớn.

Câu 5. Người đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại gọi là gì?

A. Vua.

B. Hoàng đế.

C. Thiên tử.

D.

Pha-ra-ông.

Câu 6. Công trình kiến trúc nổi tiếng của người Ai Cập cổ đại là

A. tượng Nhân sư.

B. các kim tự tháp.

C. đền thờ các vị vua.

D. các khu phố cổ.

Câu 7. Từ thời cổ đại, so với các nền văn minh Ai Cập và Trung Hoa, điều kiện tự nhiên hình thành nền văn minh Ấn Độ có điểm gì chung?

A. Được hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn.

B. Địa hình bị chia cắt bởi những dãy núi cao và cao nguyên.

C. Đất nước ba mặt giáp biển.

D. Là một bán đảo nên có nhiều vũng, vịnh, hải cảng.

Câu 8. Một đặc trưng quan trọng của xã hội Ấn Độ thời kì cổ - trung đại là gì?

A. Người A-ri-a gốc Trung Á chiếm đại bộ phận trong xã hội.

B. Xã hội chia thành nhiều giai cấp, tầng lớp khác nhau.

C. Sự tồn tại lâu dài và gây ảnh hưởng sâu sắc của chế độ đẳng cấp.

D. Sự phân biệt về sắc tộc, chủng tộc rất sâu sắc.

Câu 9. Người A-ri-a là chủ nhân của nền văn minh nào ở Ấn Độ?

A. Văn minh sông Ấn.

B. Văn minh Ấn Độ.

C. Văn minh sông Hằng.

D. Văn minh Nam Ấn.

Câu 10. Tôn giáo nào **không** khởi nguồn từ Ấn Độ?

A. Hồi giáo.

B. Phật giáo.

C. Hin-đu giáo.

D. Bà La Môn giáo.

Câu 11. Chủ nhân đầu tiên của nền văn minh Trung Hoa là người tộc nào?

A. Người Hoa Hạ.

B. Người Choang.

C. Người Mãn.

D. Người Mông Cổ.

Câu 12. Mặt hàng nổi tiếng trong quan hệ buôn bán với nước ngoài của người Trung Quốc thời kì cổ - trung đại là gì?

A. Các loại lâm thổ sản.

B. Vàng, bạc.

C. Tơ lụa, gốm sứ.

D. Hương liệu.

Câu 13. Loại chữ cổ nhất của người Trung Quốc là

A. chữ giáp cốt, kim văn.

B. chữ Hán.

C. chữ Kha-rốt-ti.

D. chữ tượng hình viết trên giấy pa-pi-rút.

Câu 14. 10 chữ số mà ngày nay chúng ta đang sử dụng là thành tựu của nền văn minh nào?

A. Ai Cập.

B. Hy Lạp.

C. Ấn Độ.

D. Trung Hoa.

Câu 15. Loại chữ viết của nền văn minh nào được cư dân của nhiều quốc gia Đông Nam Á thời cổ - trung đại tiếp thu?

A. Văn minh Ai Cập.

B. Văn minh Lưỡng Hà.

C. Văn minh Ấn Độ.

D. Văn minh Trung Hoa.

Câu 16. Thành tựu nào dưới đây **không** thuộc “Tứ đại phát minh” về kĩ thuật của người Trung Quốc thời kì cổ - trung đại?

A. Kĩ thuật làm giấy.

B. Kĩ thuật làm lịch.

C. Thuốc súng.

D. La bàn.

Câu 17. Nền văn minh nào ở phương Đông tồn tại liên tục, lâu đời nhất và có ảnh hưởng sâu sắc đến văn minh thế giới?

A. Văn minh Ai Cập.

B. Văn minh Lưỡng Hà.

C. Văn minh Hy Lạp- La Mã.

D. Văn minh Trung Hoa.

BÀI 5

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY THỜI CỔ- TRUNG ĐẠI

- Bảng thống kê thành tựu văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại

Lĩnh vực	Tác giả, tác phẩm/ thành tựu tiêu biểu	Thuộc nền văn minh	Ý nghĩa/ giá trị nổi bật
Chữ viết	- Bảng chữ cái với 24 kí tự	Hy Lạp	- Nhờ có chữ viết, cư dân có thể ghi chép lại nhiều thành tựu văn minh khác - Hiện nay, chữ La-tinh là loại văn tự được sử dụng phổ biến nhất trên thế giới.
	- Hệ chữ cái la-tinh - Hệ chữ số La Mã	La Mã	
Văn học	- Hai bộ sử thi I-li-át và Ô-đi-xê của Hô-mê - Kịch Ô-rét-tê của A-chi-lút - Kịch Ô-pi-rít của Xô-phô-clơ	Hy Lạp	- Đặt nền móng cho sự phát triển của văn học phương Tây - Các tác phẩm văn học cũng là nguồn tư liệu quan trọng để tìm hiểu về lịch sử của văn minh Hy Lạp – La Mã.
	- Các tập thơ: Nữ anh hùng, Tình yêu,... của Ô-vi-đi-ốt	La Mã	
Kiến trúc	- Đền Pác-tê-nông - Đền thờ thần Dớt	Hy Lạp	- Thể hiện sự tài hoa, tinh thần sáng tạo và sự lao động miệt mài của cư dân Hi Lạp – La Mã cổ đại - Có ảnh hưởng sâu sắc đến nghệ thuật phương Tây sau này.
	- Đấu trường Cô-li-dê - Khải hoàn môn	La Mã	
Điêu khắc, hội họa	- Tượng Lực sĩ ném đĩa - Tượng A-tê-na - Tượng Vệ Nữ thành Mi-lô	Hy Lạp	
Khoa học Tự nhiên	- Các nhà khoa học: Ta-lét, Pi-ta-go, Ô-cơ-lít, Ác-si-mét,..	Hy Lạp	- Đặt nền tảng cho sự phát triển của các ngành khoa học tự nhiên của thế giới trong những giai đoạn tiếp theo.
	- Các nhà khoa học: Pli-ni-út; Clô-đi-út Ptô-lê-mi	La Mã	
Y học	- Hi-pô-crát	Hy Lạp	
Sử học	- Các nhà sử học: Hê-rô-đốt;	Hy Lạp	- Đặt nền móng cho sự phát triển của sử học phương Tây

	Tuy-xi-dít; Xê-nô-phôn...		- Cung cấp nhiều sử liệu quan trọng về lịch sử của Hy Lạp và La Mã thời cổ đại.
	- Các nhà sử học: Pô-li-bi-út, Ti-tát Li-vi-út, Ta-xi-út và Plu-tác...	La Mã	
Thể thao	- Đại hội thể thao O-lim-pic - Đại hội thể thao Pa-na-thê-nai-a	Hy Lạp	- Là cơ sở, nền tảng thể thao của nhân loại ngày nay.

- Bảng thống kê các thành tựu của văn minh thời Phục hưng

Lĩnh vực	Tác giả, tác phẩm/ thành tựu tiêu biểu	Thuộc nền văn minh	Ý nghĩa/ giá trị nổi bật
Văn học	- Tác phẩm: thần khúc của Đan tê - Tác phẩm: Đôn-ki-hô-tê của Xéc-van-téc - Kịch: Rô-mê-ô và Giu-li-ét của Sếch-xpia.	Văn minh thời phục hưng	- Lên chế độ phong kiến; đề cao giá trị con người và quyền tự do cá nhân - Thúc đẩy sự phát triển của văn minh phương Tây ở giai đoạn sau.
Hội họa, kiến trúc, điêu khắc	- Tranh: nàng Mô-na-li-sa của Lê-ô-na đơ Vanh-xi - Tượng Đa-vít của Mi-ken-lăng-giơ - Nhà thờ thánh P-tơ	Văn minh thời phục hưng	- Thúc đẩy sự phát triển của nghệ thuật phương Tây ở giai đoạn sau.
Khoa học, kĩ thuật	- Thuyết Nhật Tâm - Có nhiều tiến bộ về kĩ thuật, đặc biệt là trong các ngành dệt, đóng tàu...	Văn minh thời phục hưng	- Góp phần đẩy lùi những ảnh hưởng và chi phối của thần học. - Thúc đẩy sự phát triển của khoa học, kĩ thuật phương Tây ở giai đoạn sau.
Tư tưởng	- Triết học duy vật phát triển với các học giả tiêu biểu là: Đê-các-tơ...	Văn minh thời phục hưng	Tạo tiền đề cho các cuộc cách mạng xã hội ở châu Âu và đặt nền tảng cho những bước tiến lớn về tư tưởng, triết học trong các thời đại tiếp theo.

LUYỆN TẬP

BÀI 5: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI

Câu 1: Công trình kiến trúc nào dưới đây là của Hi Lạp cổ đại ?

- A. Đền Pác-tơ-nông. B. Vạn lí trường thành.
C. Kim tự tháp. D. Tháp San-chi.

Câu 2: Nói đến nền văn minh cổ đại phương Tây là nói đến nền văn minh của

- A. Trung Quốc. B. Hy Lạp- La Mã. C. Ấn Độ. D. Ai Cập.

Câu 3: Pi-ta-go là nhà khoa học nổi tiếng của Hi Lạp thuộc lĩnh vực nào?

- A. Toán học. B. Y học. C. Vật lí. D. Hóa học.

Câu 4: Đến thế kỉ IV, tôn giáo nào sau đây trở thành quốc giáo của đế quốc La Mã?

- A. Hồi giáo. B. Phật giáo. C. Cơ Đốc giáo. D. Hin-đu giáo.

Câu 5: Người được mệnh danh là “cha đẻ của y học phương Tây” là

- A. Pli-ni-út. B. Ptô-lê-mê. C. Tuy-xi-đít. D. Hi-pô-crát.

Câu 6: Một trong những cống hiến lớn có giá trị đến ngày nay của cư dân La Mã là:

- A. bảng chữ cái gồm 26 chữ. B. Đền Pác-tê-nông.
C. giấy, thuốc súng, la bàn. D. Đấu trường La Mã.

Câu 7: Hai tác phẩm văn học I-li-át và Ô-đi-xê thuộc thể loại:

- A. Truyền thuyết. B. Sử thi. C. Văn xuôi. D. Truyện ngắn.

Câu 8: Văn học phương Tây hình thành trên cơ sở nền văn học cổ đại đồ sộ của

- A. Đức. B. Anh.
C. Hy Lạp - La Mã. D. Pháp.

Câu 9: Hệ chữ cái A, B, C và hệ chữ số La Mã (I, II, III,...) là thành tựu của cư dân cổ

- A. Ấn Độ B. Hi Lạp C. Ba Tư D. Hi Lạp – La Mã

Câu 10: Người chiến thắng trong thế vận hội Ô-lim-píc được nhận

- A. vòng nguyệt quế B. vương miện C. huy chương D. cúp vô địch

Câu 11: Thể loại văn học nào là một kho tàng các câu chuyện về các vị thần, giải thích sự hình thành của vũ trụ, cuộc đấu tranh trong thế giới muôn loài?

- A. Thơ ca B. Văn xuôi C. Thần thoại D. Kịch

Câu 12: Đền Pác-tê-nông, đền thờ Thần Dớt, lăng mộ vua Mô-sô-lót là những công trình kiến trúc của

- A. Hi Lạp B. Ấn Độ C. La Mã D. Trung Quốc

Câu 13: Đấu trường Cô-li-dê, đền Pan-tê-ông, Khải hoàn môn Công-xtan-ti-nút là những công trình kiến trúc của

A. Hi Lạp B. Ấn Độ **C. La Mã** D. Trung Quốc

Câu 14: Vì sao nói chữ viết là cống hiến lớn lao của La Mã cổ đại?

- A. Kí hiệu ít, đơn giản, dễ biểu đạt ý nghĩa sự vật, hiện tượng.
- B. Được tất cả các nước trên thế giới sử dụng đến ngày nay.
- C. Có hệ thống chữ cái hoàn chỉnh, cùng với hệ chữ số La Mã.
- D. Đơn giản, khoa học, khả năng ghép chữ linh hoạt, dễ phổ biến.**

Câu 15: Chữ Quốc Ngữ của Việt Nam hiện nay có nguồn gốc từ

- A. chữ tượng hình Trung Hoa.
- B. chữ Phạn của Ấn Độ.
- C. hệ chữ cái Latinh.**
- D. hệ Phê-ni-xi của người Ai Cập.

Câu 16: Vì sao hiện nay nhân loại tiếp tục duy trì Đại hội thể thao Ô-lim-píc (Olympic)?

- A. Đề cao tinh thần hoà bình, đoàn kết các dân tộc.**
- B. Để phát triển các môn thể thao điền kinh cơ bản.
- C. Đề cao giá trị văn hoá và tinh thần của Hy Lạp.
- D. Phát huy nguyên tắc bình đẳng của các dân tộc.

Câu 17: Đây là những thể loại tạo nguồn cảm hứng và phong phú cho nền văn học cổ đại Hy Lạp –La Mã?

- A. Thần thoại, thơ, văn xuôi, kịch.**
- B. Kí sự, thần thoại, truyện cười.
- C. Văn học dân gian, truyện ngắn.
- D. Tiểu thuyết, thơ ca, kịch.

Câu 18: Người La Mã sớm có hiểu biết chính xác về Trái Đất và hệ Mặt Trời là nhờ

- A. Vào việc canh tác nông nghiệp.
- B. Kinh nghiệm của nghề đi biển.**
- C. Vào việc buôn bán giữa các thị quốc.
- D. Sự phát triển của khoa học - kĩ thuật.

Câu 19: Những thành tựu khoa học của người Hy Lạp - La Mã cổ đại có ý nghĩa như thế nào?

- A. Là nguồn gốc của những thành tựu khoa học phương Đông cổ đại.
- B. Đưa loài người bước vào kỉ nguyên công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
- C. Đặt nền tảng cho sự phát triển của khoa học thế giới giai đoạn sau.**
- D. Là một trong những cơ sở dẫn tới sự ra đời của văn minh phương Tây cổ đại.

Câu 20: Những tiến bộ trong cách tính lịch của người phương Tây So với phương Đông xuất phát từ

- A. Cách tính lịch dựa theo sự chuyển động của Mặt Trăng
- B. Việc đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn sản xuất
- C. Sự hiểu biết chính xác về Trái Đất và hệ Mặt Trời**
- D. Việc tính lịch dựa theo sự chuyển động của Mặt Trời

Câu 21: Logo của tổ chức UNESCO được lấy cảm hứng từ công trình kiến trúc nổi tiếng nào?

- A. Đền Pác-tê-nông.**
- B. Kim tự tháp Ai Cập

C. Vườn treo Ba-bi-lon. D. Tượng nữ thần tự do.

Câu 22. Trong thời Phục Hưng đã xuất hiện rất nhiều nhà văn hóa, khoa học thiên tài được mệnh danh là những người

A. vĩ đại. B. thông minh. C. xuất chúng. D. không lồ.

Câu 23. Trào lưu tư tưởng nổi bật của thời kì Văn hóa Phục hưng thế kỉ XV – XVI là

A. chủ nghĩa anh hùng dân tộc. B. chủ nghĩa triết học kinh viện.
C. chủ nghĩa nhân văn. D. chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Câu 24. Phong trào Phục hưng ở châu Âu thế kỉ XV – XVI khởi phát từ quốc gia nào dưới đây?

A. Anh. B. Pháp. C. Hy Lạp. D. Italia.

Câu 25. N. Cô-pec-nich, G. Bru-nô, G. Ga-li-lê là những nhà thiên văn học nổi tiếng trong thời kì

A. cổ đại Hy Lạp - La Mã. B. văn hóa Phục hưng.
 C. phương Tây hiện đại. D. phương Đông cổ đại.

Câu 26. Di sản của nền văn hóa Phục hưng góp phần tạo nên bản sắc của nền văn hóa châu lục nào dưới đây hiện nay?

A. châu Á. B. châu Phi. C. châu Âu. D. châu Mỹ.

Câu 27. Hội họa và điêu khắc của thời kì Phục hưng ở châu Âu thường mượn chủ đề nào dưới đây để thể hiện ?

A. tôn giáo. B. dân gian. C. hiện thực. D. trừu tượng.

Câu 28. Tư tưởng chủ đạo trong những tác phẩm văn học thời Phục hưng là

A. tự do. B. nhân đạo. C. hiện thực. D. anh hùng.

Câu 29. Một trong những nội dung của hệ tư tưởng thời kì Phục hưng là

A. lên án, đả kích giai cấp phong kiến.
 B. tố cáo tội ác bóc lột của giai cấp tư sản.
 C. đấu tranh bảo vệ quyền lợi của quý tộc.
 D. đề cao vai trò của triều đình phong kiến.

Câu 30. Một trong những nội dung của hệ tư tưởng thời kì Phục hưng là

A. đề cao tự do cá nhân và giá trị chân chính của con người.
 B. đấu tranh bảo vệ quyền lợi của giai cấp vô sản.
 C. tố cáo tội ác bóc lột của giai cấp tư sản.
 D. đề cao vai trò của Giáo hội và triều đình phong kiến.

BÀI 6

CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI

1. Thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

a. Thời gian:

- Diễn ra vào khoảng nửa sau thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX
- Bắt đầu ở Anh, sau đó nhanh chóng lan rộng ra các nước châu Âu và Bắc Mỹ.

b. Những thành tựu cơ bản:

- Những phát minh trong ngành dệt
- + Năm 1764, Giêm Ha-gri-vơ sáng tạo ra máy kéo sợi Gien-ni
- + Năm 1769, Ri-chác Ác-rai chế tạo ra máy kéo sợi chạy bằng sức nước
- + Năm 1784, Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước
- + Năm 1785, Ét-môn Các-rai chế tạo ra máy dệt chạy bằng hơi nước
- Ngành luyện kim và giao thông vận tải cũng đạt được những thành tựu quan trọng:
- + Năm 1784, Hen-ri Côt đã phát minh ra lò luyện quặng theo phương pháp Put-đinh
- + Năm 1804, Ri-chác Tơ-re-vi-thích sáng tạo ra đầu máy xe lửa chạy trên đường ray
- + Ở Mỹ, năm 1807, Rô bốt Phon-ton chế tạo thành công tàu thủy chở khách chạy bằng hơi nước đầu tiên.

2. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

a. Bối cảnh:

- Bối cảnh diễn ra từ nửa sau thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX
- Các nước Tây Âu và Mỹ đã đạt được những thành tựu quan trọng trong cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và tiếp tục đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá đất nước.

b. Những thành tựu cơ bản: có những tiến bộ về khoa học , kĩ thuật trong nhiều lĩnh vực.

sử dụng điện năng, động cơ điện gắn với quá trình điện khí hoá, sản xuất dây chuyền, sự phát triển các ngành công nghiệp hoá chất, dầu mỏ, thép, điện, in ấn....

- Phát minh ra phương pháp sử dụng lò cao trong luyện kim của Hen-ri Bê-sê-mơ (Anh) đã dẫn đến sự ra đời của các nguyên liệu mới.
- Những khám phá về điện của Mai-con Pha-ra-đây (Anh), Tô -mát Ê-đi-xơn, Ni-cô-laTe1t -la (Mĩ) là cơ sở cho sự ra đời và phát triển của động cơ điện, điện thoại, vô tuyến điện và thúc đẩy việc ứng dụng nguồn năng lượng điện vào cuộc sống.
- Năm 1860, G.Lơ-noa (Pháp) phát minh ra động cơ đốt trong tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển của ô tô, máy bay, đồng thời thúc đẩy ngành khai thác dầu mỏ.

3. Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai

a. Ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế:

- Làm thay đổi cách thức tổ chức sản xuất, tạo ra nhiều nguyên liệu mới, thúc đẩy công nghiệp phát triển, nâng cao năng suất lao động,...
- Góp phần thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhiều ngành kinh tế khác, đặc biệt là nông nghiệp và giao thông vận tải, thông tin liên lạc,...
- Thúc đẩy sản xuất phát triển và cải thiện cuộc sống con người.

b. Ý nghĩa về xã hội, văn hóa

- Về xã hội
 - + Đưa đến sự hình thành và phát triển của nhiều trung tâm công nghiệp mới cũng là những thành thị đông dân
 - + Hình thành hai giai cấp đối kháng là tư sản công nghiệp và vô sản làm thuê. Mâu thuẫn giữa hai giai cấp này ngày càng gay gắt, dẫn đến các cuộc đấu tranh của vô sản chống lại tư sản
- Về văn hóa:
 - + Đưa đến những biến chuyển lớn lao trong đời sống văn hoá. Lối sống và văn hoá công nghiệp ngày càng trở nên phổ biến.
 - + Đời sống văn hoá tinh thần của người dân phong phú và đa dạng hơn
 - + Sự giao lưu, kết nối văn hoá giữa các quốc gia, châu lục càng được đẩy mạnh,...

LUYỆN TẬP

Câu 1. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra đầu tiên ở đâu?

- A. Anh. B. Đức. C. Pháp. D. Mỹ.

Câu 2. Ý nào **không** phản ánh đúng điều kiện ở nước Anh khi tiến hành cách mạng công nghiệp?

- A. Tình hình chính trị ổn định từ sau cách mạng tư sản.
 B. Nước Anh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.
 C. Tích lũy tư bản nguyên thủy dồi dào.
D. Xuất hiện nhiều công trường thủ công ở các thành thị.

Câu 3. Phong trào “rào đất cướp ruộng” dùng để chỉ hiện tượng gì?

- A. Tranh giành ruộng đất giữa các lãnh chúa phong kiến.
 B. Nông nô đấu tranh bảo vệ ruộng đất của mình.
 C. Quý tộc phong kiến thôn tính ruộng đất của nhau.
D. Quý tộc phong kiến tước đoạt ruộng đất của nông nô để chăn nuôi cừu.

Câu 4. Những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là?

- A. máy kéo sợi, máy dệt, máy hơi nước, đầu máy xe lửa.
 B. máy kéo sợi, máy dệt, máy hơi nước, máy bay.
 C. máy kéo sợi, máy dệt, ô tô, máy hơi nước.
 D. máy dệt, máy hơi nước, tàu thủy, điện thoại.

Câu 5. Giêm Oát là người đã phát minh ra

- A. con thon bay. B. máy dệt. C. máy hơi nước. D. đầu máy xe lửa.

Câu 6. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra mạnh mẽ ở các nước nào?

- A. Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật Bản. B. Anh, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản.

- C. Ấn Độ, Đức, Mỹ, Trung Quốc. D. Anh, Mỹ, Nhật Bản, Nga.

Câu 7. Những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai là gì?

- A. Máy hơi nước, điện thoại, điện, ô tô. B. Điện thoại, điện, ô tô, máy bay.
 C. Ô tô, máy bay, máy tính, internet. D. Điện thoại, điện, ô tô, tàu hỏa.

Câu 8. Tô-mát Ê-đi-xơn là người đã phát minh ra

- A. bóng đèn sợi đốt trong. B. dòng điện xoay chiều.
 C. vô tuyến điện. D. điện thoại.

Câu 9. “Ông vua” xe hơi nước Mỹ là ai?

A. Gu-li-ê-li-nô Mác-cô-ti.

B. Hen-ri-pho.

C. Ni-cô-la- Tét-la.

D. Mai-con Pha-ra-đây.

Câu 10. Ai là người đã phát minh ra phương pháp sử dụng lò cao trong luyện kim?

A. A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo.

B. Hen-ri Bê-sê-mơ.

C. Mai-con Pha-ra-đây.

D. Anh em nhà Rai.

Câu 11. Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại **không** có những tác động nào sau đây?

A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động.

B. Hình thành và phát triển các trung tâm công nghiệp, thành thị.

C. Gây ô nhiễm môi trường, bóc lột lao động phụ nữ, trẻ em, xâm chiếm thuộc địa.

D. Thúc đẩy toàn cầu hoá, tự động hoá, thương mại điện tử, tự do thông tin.